TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST Ngày: 24-01-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quang Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Lưu Quốc Trạng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 368/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2023, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2023/QĐXXST-DS ngày 19/12/2023, Thông báo chuyển ngày xét xử số 447/TB-TA ngày 28/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1989.

Cư trú tại: Số 6 đường N, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990.

Cư trú tại: Thôn K, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Trịnh Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Đ sau thời gian tìm hiểu được gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 2013, sau đó được UBND xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2013. Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn hiện nay ông Đ đang cất giữ, không đồng ý đưa cho bà để giao nộp cho Tòa án.

Sau khi kết hôn, bà và ông Đ sống tại nhà cha mẹ chồng, sống hạnh phúc trong 02 năm đầu, sau đó ông Đ chơi bời, không tu chí làm ăn, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần bỏ qua, nói chuyện với ông Đ để ông Đ hồi tâm chuyển ý, cùng bà xây dựng gia đình, tuy nhiên ông Đ vẫn không thay đổi. Bà và ông Đ sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 15/8/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30/7/2017. Đến năm 2015, ông Đ bỏ vào TP. Hồ Chí Minh sống, thỉnh thoảng mới về quê, bỏ lại bà và các con ở Quảng Ngãi tự lo cho nhau. Đến năm 2018, bà dẫn theo 02 con vào TP. Hồ Chí Minh sống cùng ông Đ, nhưng ông Đ vẫn tiếp tục chơi bời, không tu chí làm ăn, không chăm lo đến vợ và các con, bà và ông Đ nhiều lần cãi vã, không còn nói chuyện với nhau, phần ai nấy sống.

Đến đầu năm 2018, bà và ông Đ tiếp tục cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng, sau đó ông Đ bỏ về Quảng Ngãi sống, còn bà dẫn cháu Nguyễn Ngọc Bảo A vào Đồng Nai sinh sống, còn cháu Nguyễn Ngọc Bảo Ch giao cho cha mẹ của ông Đ nuôi dưỡng, hàng tháng bà vẫn gửi tiền về cho cha mẹ chồng để lo cho cháu Ch. Đến tháng 5/2022, bà về Quảng Ngãi dẫn cháu Ch vào Đồng Nai sống cũng bà và cháu A cho đến nay.

Nay, bà thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông Đ đã trầm trọng, bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2018, phần ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 15/8/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30/7/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch và cháu A, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 16/11/2023, bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 10/6/2013. Sau khi kết hôn, ông và bà H sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 do làm ăn nợ nần nên ông phải bỏ đi khỏi địa phương, còn bà H dẫn con vào Đồng Nai sinh sống. Từ năm 2018, ông và bà H sống ly thân cho đến nay. Ông thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Ông và bà H sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 15/8/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30/7/2017. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ch và cháu A, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H.

+ Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 15/8/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30/7/2017 cho bà Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con mà không có ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà Trịnh Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà Trịnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không

có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, được UBND xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/6/2013, nên hôn nhân của bà H và ông Đ là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Đ chơi bời, không tu chí làm ăn, không chăm lo đến vợ và các con nên vợ chồng thường hay cãi vã. Từ năm 2018 đến nay, bà H và ông Đ sống ly thân, phần ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H với ông Đ.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà H và ông Đ sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 15/8/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30/7/2017. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, hiện nay cháu Ch và cháu A đều còn nhỏ nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, các cháu cũng đang sống ổn định cùng bà H, mặt khác tại bản tự khai ngày 21/11/2023, cháu Nguyễn Ngọc Bảo Ch có nguyện vọng được ở với bà H. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Ch và cháu A cho bà H nuôi dưỡng, ông Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông Đ đều trình bày không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà H và ông Đ đều trình bày không có, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2

Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 15/8/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 30/7/2017 cho bà Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông Đ đều trình bày không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà H và ông Đ đều trình bày không có, nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006932 ngày 15/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- UBND xã Nghĩa Hà, TP.Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quang Hải